

**ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SỸ  
NGÔN NGỮ HỌC SO SÁNH, ĐỐI CHIẾU**

**HUẾ, 2015**

# **Chuyên ngành: *Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu***

**Mã ngành: 6222024**

**Trình độ đào tạo: Tiến sĩ**

## **PHẦN GIỚI THIỆU**

### **1. Chương trình đào tạo.**

#### ***1.1. Chuyên ngành đăng ký đào tạo.***

- Tên chuyên ngành đào tạo: Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu
- Mã số: 6 22 20 24
- Tên đơn vị đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại Học Huế
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
- Ngôn ngữ đào tạo: Song ngữ (Tiếng Việt và Ngoại ngữ)

#### ***1.2. Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo.***

Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu là chuyên ngành đã có trong danh mục cấp IV của Bộ giáo dục và đào tạo, vì vậy, việc xây dựng chương trình đào tạo căn cứ trên các vấn đề sau:

- Căn cứ các văn bản pháp lý do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
- Căn cứ trên nhu cầu thực tế của các đơn vị đóng trên địa bàn miền Trung thông qua khảo sát nhu cầu do chúng tôi thực hiện.
- Căn cứ trên năng lực đào tạo và nghiên cứu khoa học của đơn vị, kết hợp với đối chiếu, so sánh với các các chương trình đào tạo sau đại học các ngành liên quan trong Đại học Huế cũng như trong cả nước.

*\* Các văn bản pháp lý*

- Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012.
- Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 03 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên.
- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.
- Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ.
- Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ.

- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học.

- Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

- Quyết định số 126/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đề ngày 13 tháng 7 năm 2004 về việc thành lập Trường Đại học Ngoại ngữ, trực thuộc Đại học Huế.

### **1.3. Tóm tắt về chương trình đào tạo.**

#### **1.3.1. Mục tiêu.**

##### **1.3.1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo những nhà nghiên cứu, nhà đổi mới, giảng viên và chuyên gia tư vấn đạt học vị tiến sĩ có trình độ cao về lý thuyết và năng lực thực hành, có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa khoa học và hướng dẫn nghiên cứu khoa học, có khả năng tham gia đào tạo đại học và sau đại học. Có trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.

##### **1.3.1.2. Mục tiêu cụ thể**

- *Về kiến thức:* Người học có được kiến thức lí thuyết về ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu và các khoa học có liên quan, mở rộng và cập nhật kiến thức về ngôn ngữ và văn hoá các nước trên thế giới để trên cơ sở đó người học vận dụng chúng một cách chủ động, sáng tạo vào nghiệp vụ biên dịch, phiên dịch và giảng dạy ngôn ngữ trong các phạm vi, điều kiện và hoạt động công tác cụ thể, phục vụ sự nghiệp phát triển khoa học - kĩ thuật, kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của đất nước.

- *Về năng lực:* Học viên tốt nghiệp cao học chuyên ngành Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu có khả năng bắt kịp những tiến bộ khoa học - kĩ thuật trong chuyên môn, phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên môn để có thể đảm nhận nhiệm vụ nghiên cứu ngôn ngữ vì những mục đích ứng dụng chuyên biệt; biên dịch, phiên dịch các ngôn ngữ có tính chuyên ngành ở trình độ cao; giảng dạy ngôn ngữ ở trình độ nâng cao tại các học viện, trường đại học và cao đẳng.

- *Về kĩ năng:* Người học có điều kiện phát triển các kĩ năng so sánh, đối chiếu ngôn ngữ, đặc biệt là kĩ năng viết luận án bằng ngoại ngữ hoặc bằng tiếng Việt, tùy theo khả năng.

- *Về nghiên cứu:* Học viên biết cách vận dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp để độc lập thực hiện nghiên cứu về các lĩnh vực chuyên môn thuộc chuyên ngành Ngôn ngữ so sánh, đối chiếu: Các vấn đề về Ngữ âm học, Từ vựng học, Ngữ pháp học, Ngữ nghĩa học, Ngữ dụng học v.v. Học viên tự xác định hướng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu để tiếp tục học tập và nghiên cứu xa hơn trong lĩnh vực Ngôn ngữ học nói chung và Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu nói riêng.

#### **1.3.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo tiến sĩ Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu.**

##### **Về kiến thức**

- Biết tổng hợp và ứng dụng được kiến thức về Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu để giải quyết các vấn đề liên quan.

- Áp dụng được các kiến thức cơ sở ngành để phân tích, đánh giá, nghiên cứu và phát triển các nguyên lý, học thuyết chuyên ngành trong lĩnh vực Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu.

- Có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo, làm chủ được các giá trị cốt lõi, quan trọng trong học thuật, đề xuất các nhiệm vụ nghiên cứu, tham gia hoặc tiến hành các nghiên cứu trong lĩnh vực lý thuyết và ứng dụng Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu.

#### *Về kỹ năng*

- Có khả năng hoạt động nghiên cứu chuyên môn độc lập hoặc phối hợp nghiên cứu có hiệu quả với các đồng nghiệp khác ở trong nước và nước ngoài, có khả năng lãnh đạo nhóm nghiên cứu thuộc lĩnh vực Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu.

- Có khả năng giảng dạy chuyên đề ở trình độ đại học, sau đại học cho các đối tượng có nhu cầu học về chuyên ngành Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu.

- Có khả năng vận dụng linh hoạt và có hiệu quả các công trình nghiên cứu với việc phát triển, thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu và giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách của đất nước về lĩnh vực Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu.

- Có năng lực đề xuất và chủ trì hoặc là cán bộ thực hiện chính các đề tài, dự án trong các chương trình, dự án cấp quốc gia và quốc tế trong lĩnh vực Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu.

- Có khả năng biên soạn sách, tài liệu phục vụ đào tạo trong lĩnh vực Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu.

- Có khả năng trao đổi chuyên môn với người nước ngoài bằng tiếng Anh và khả năng tra cứu, dịch tài liệu, viết bài báo bằng tiếng Anh trong lĩnh vực chuyên môn.

#### *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

- Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; rút ra những nguyên tắc, quy luật trong quá trình giải quyết công việc; đưa ra được những sáng kiến có giá trị và có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến.

- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế.

- Có năng lực lãnh đạo và tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể; có năng lực đưa ra được những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn.

- Có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới.

#### *Về định hướng học tập nâng cao trình độ*

Sau khi đạt học vị tiến sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu, người học có thể tiếp tục học tập nâng cao trình độ:

- Có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở trình độ sau tiến sĩ.

- Có khả năng tích lũy kinh nghiệm, chủ động nghiên cứu phát triển và ứng dụng các tiến bộ khoa học vào thực tiễn công tác

- Có thể tiếp tục nâng cao trình độ, năng lực lãnh đạo, quản lý để đảm nhận các chức vụ cao hơn trong các cơ quan quản lý Nhà nước hay doanh nghiệp.

#### *Về thái độ*

- Tận tụy với công việc được giao hay do bản thân phụ trách, luôn hết mình với công việc.

- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp

- Có đam mê nghiên cứu khoa học. Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ suốt đời.

- Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp.

*Khả năng và vị trí công tác sau khi tốt nghiệp*

- Giảng dạy (giảng viên) ở các trường cao đẳng, đại học có đào tạo về các ngành Ngôn ngữ, Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu

- Có khả năng làm các nghiên cứu độc lập (nghiên cứu viên) tại các viện nghiên cứu hay cơ sở giáo dục đại học.

- Có khả năng làm công tác quản lý (nhà quản lý, nhà hoạch định chính sách) tại các cơ quan chuyên môn hay các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

*1.3.3. Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa.*

- Tổng số tín chỉ toàn khóa: (dành cho NCS đã có bằng thạc sỹ chuyên ngành đúng, phù hợp): 90 tín chỉ, có cấu trúc như sau:

<b>TT</b>	<b>Khối kiến thức</b>	<b>Số tín chỉ</b>
1	Kiến thức chung bắt buộc	4
2	Kiến thức tự chọn	4
3	Tiểu luận tổng quan	4
4	Chuyên đề	6
5	Bài báo khoa học	2
6	Luận án	70
<b>Tổng</b>		<b>90</b>

- Tổng số tín chỉ bổ sung (dành cho NCS đã có bằng thạc sỹ chuyên ngành gần): 22 tín chỉ, có cấu trúc như sau:

<b>TT</b>	<b>Khối kiến thức</b>	<b>Số tín chỉ</b>
1	Kiến thức chuyên ngành bắt buộc	18
2	Kiến thức chuyên ngành tự chọn	04
<b>Tổng</b>		<b>22</b>

- Tổng số tín chỉ bổ sung (dành cho NCS chưa có bằng thạc sỹ): 30 tín chỉ, có cấu trúc như sau:

<b>TT</b>	<b>Khối kiến thức</b>	<b>Số tín chỉ</b>
1	Kiến thức chung bắt buộc	07
2	Kiến thức cơ sở bắt buộc	06
3	Kiến thức cơ sở tự chọn	04
4	Kiến thức chuyên ngành bắt buộc	09
5	Kiến thức chuyên ngành tự chọn	04
<b>Tổng</b>		<b>30</b>

#### 1.3.4. Nội dung chương trình đào tạo.

a/ Các học phần ở trình độ tiến sĩ:

**Bảng 3.1. Danh mục các học phần ở trình độ tiến sĩ**

<b>STT</b>	<b>Mã học phần</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số TC</b>
<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>4</b>
01	NNCL601	Một số phương pháp định tính và định lượng trong nghiên cứu ngôn ngữ học hiện đại (Ngôn ngữ học chức năng và Ngôn ngữ học tri nhận)	2
02	NNCL602	Những phát triển gần đây trong nghiên cứu Ngôn ngữ học đối chiếu theo quan điểm chức năng	2
<b>Các học phần tự chọn 2/10 HP</b>			<b>4</b>
01	NNCL603	Ngôn ngữ học khối liệu ứng dụng trong nghiên cứu đối chiếu	2
02	NNCL604	Một số vấn đề trong nghiên cứu Ngôn ngữ học xã hội tại Việt nam	2
03	NNCL605	Một số vấn đề trong nghiên cứu Ngôn ngữ học chức năng tại Việt Nam	2
04	NNCL606	Lý thuyết về Ngôn ngữ đánh giá theo quan điểm NNH Chức năng hệ thống	2
05	NNCL607	Một số vấn đề về Ngôn ngữ học tri nhận	2
06	NNCL608	Một số vấn đề về Ngôn ngữ học văn bản	2

07	NNCL609	Một số vấn đề về Ngữ âm và phương ngữ tiếng Việt	2
08	NNCL610	Một số vấn đề về nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ trên bình diện ngữ dụng học	2
09	NNCL611	Một số vấn đề về phân tích đối chiếu liên ngôn ngữ và liên văn hóa	2
10	NNCL612	Lịch sử Việt ngữ học và những khuynh hướng nghiên cứu gần đây trong Việt ngữ học	2
<b>Tổng cộng:</b>			<b>8</b>

b/ Tiêu luận tổng quan: 04 TC

Bài tiêu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu, giải quyết.

c/ Các chuyên đề tiến sĩ

Nghiên cứu sinh phải hoàn thành 03 chuyên đề (tương đương 6 TC) có liên quan trực tiếp đến đề tài luận án, giúp nghiên cứu sinh giải quyết một số vấn đề về lí luận và thực tiễn của luận án.

**Bảng 3.2. Danh mục các chuyên đề tiến sĩ**

STT	Tên các chuyên đề	Số TC
Chuyên đề 1	Tổng quan và cơ sở lý luận liên quan đến đề tài nghiên cứu	2
Chuyên đề 2	Phương pháp nghiên cứu và khung phân tích đề tài nghiên cứu	2
Chuyên đề 3	Những kết quả thu thập, mô tả và phân tích đối chiếu ban đầu trong việc nghiên cứu đề tài	2
<b>Tổng cộng</b>		<b>6</b>

## **2. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo.**

### **2.1. Kế hoạch tuyển sinh.**

#### *2.1.1. Phương án tuyển sinh ngành đào tạo và chỉ tiêu đào tạo dự kiến 5 năm đầu.*

- Phương án tuyển sinh: tuyển sinh 6 đợt/năm theo các quy định chung của Đại học Huế.

- Chỉ tiêu đào tạo dự kiến:

Trong 2 năm đầu: 2 - 3 ứng viên/năm

Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5: 4 - 5 ứng viên/năm.

## 2.1.2 Đối tượng tuyển sinh, yêu cầu đối với người dự tuyển và yêu cầu đối với người tốt nghiệp

### a/ Đối tượng tuyển sinh, yêu cầu đối với người dự tuyển

- Đối tượng tuyển sinh cho chương trình tiến sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu là những người đã tốt nghiệp cao học các chuyên ngành Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu, Ngôn ngữ học, Ngôn ngữ học ứng dụng, Việt Nam học, Hán Nôm, Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số, Ngôn ngữ Anh, (Pháp, Nga, Trung Quốc, Nhật, Đức, Hàn Quốc...) hoặc những người đã tốt nghiệp đại học thuộc các ngành Ngôn ngữ học, Việt Nam học, Hán Nôm, Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số, Ngôn ngữ Anh, (Pháp, Nga, Trung Quốc, Nhật, Đức, Hàn Quốc...), Sư phạm ngữ văn, Sư phạm Anh (Pháp, Nga, Trung...)

- Người dự tuyển phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện về văn bằng, ngoại ngữ và các điều kiện khác do Đại học Huế thông báo cụ thể trong thông báo tuyển sinh hằng năm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu phải đáp ứng các điều kiện cụ thể sau:

#### *Văn bằng và công trình công bố*

- Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc ngành gần.

- Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển. Nội dung các bài báo phải phù hợp với chuyên ngành Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu hoặc các ngành gần.

- Nếu tốt nghiệp sau 2 năm trở lên phải có thêm ít nhất 1 bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển.

- Có bằng thạc sĩ chuyên ngành khác nhưng có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng hoặc ngành gần, trường hợp này thí sinh phải dự tuyển theo qui định đối với người chưa có bằng thạc sĩ.

- Người có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành đúng hoặc ngành gần loại khá trở lên. Nếu tốt nghiệp sau 2 năm phải có thêm ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển.

- Người có bằng tốt nghiệp đại học loại trung bình hoặc hệ không chính quy yêu cầu phải có bằng thạc sĩ.

#### *Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ*

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng sau:

+ Bằng tốt nghiệp đại học thuộc các ngành Ngôn ngữ Anh (Pháp, Nga, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật, Đức,...), Sư phạm tiếng Anh (Pháp, Nga, Trung ...)

+ Bằng thạc sĩ thuộc các chuyên ngành: Ngôn ngữ Anh (Pháp, Nga, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật, Đức, Văn học nước ngoài...); Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh (Pháp, Nga, Trung ...).

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.



### *Bài luận*

Có một bài luận về dự định nghiên cứu, trong đó trình bày rõ ràng các vấn đề sau:

- Đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được, lý do lựa chọn cơ sở đào tạo.
- Kế hoạch thực hiện trong từng thời kỳ của thời gian đào tạo.
- Những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu.
- Dự kiến việc làm sau khi tốt nghiệp.
- Đề xuất người hướng dẫn.

### *Thư giới thiệu*

Người dự tuyển phải có thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển, cụ thể:

- + Phẩm phát đạo đức, đặc biệt là đạo đức nghề nghiệp.
- + Năng lực hoạt động chuyên môn.
- + Phương pháp làm việc.
- + Khả năng nghiên cứu.
- + Khả năng làm việc theo nhóm.
- + Điểm mạnh và điểm yếu của người dự tuyển.
- + Triển vọng phát triển về chuyên môn.
- + Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

### *Yêu cầu về kinh nghiệm làm việc*

Người dự thi vào chương trình đào tạo tiến sĩ cần có ít nhất 2 năm làm việc (đối với người dự thi có bằng đại học) hoặc 1 năm (đối với người dự thi có bằng thạc sĩ) trong lĩnh vực chuyên môn liên quan đến ngành được đào tạo, trừ các trường hợp vừa mới tốt nghiệp đại học hoặc cao học tham gia dự tuyển ngay.

### *Thư giới thiệu đi học*

Được cơ quan quản lý nhân sự (đối với người đã có việc làm), hoặc trường nơi sinh viên vừa tốt nghiệp giới thiệu dự tuyển chương trình tiến sĩ. Đối với người chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận nhân thân tốt và hiện không vi phạm pháp luật.

### *Cam kết*

Cam kết thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của cơ sở đào tạo (đóng học phí và hoàn trả kinh phí cho cơ sở đào tạo nếu không hoàn thành luận án tiến sĩ).

b/ Yêu cầu đối với người tốt nghiệp

### *Yêu cầu chung*

Nghiên cứu sinh (NCS) thực hiện đầy đủ chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Ngoại ngữ về chuyên ngành Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu; Tuân thủ Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư 08/2017/TT-BGDĐT, ngày 4/4/2017 của Bộ GDĐT về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ và liên quan) và của Trường Đại học Ngoại ngữ; NCS tuân thủ quy định quản lý của Trường Đại học Ngoại ngữ và các Khoa/Phòng chức năng nơi NCS thực hiện luận án; Có báo cáo định kỳ theo quy định của Trường Đại học Ngoại ngữ.

Sau khi đã kết thúc chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu, NCS phải có kiến thức lý thuyết, kiến thức thực tế; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn đạt bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Nghiên cứu sinh đạt học vị tiến sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu có thể công tác trong các lĩnh vực sau:

- Nghiên cứu và giảng dạy về lĩnh vực Ngôn ngữ tại các viện, trung tâm nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp.

- Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan như sở Giáo dục và Đào tạo, sở Đối ngoại, Sở Thông tin văn hóa.

- Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, sản xuất có liên quan đến lĩnh vực ngôn ngữ và văn hóa.

### *Yêu cầu cụ thể*

- Hoàn thành các học phần bổ sung (nếu có) theo yêu cầu của Trường Đại học Ngoại ngữ

- Hoàn thành các học phần ở trình độ tiến sĩ gồm: 01 tiểu luận tổng quan, 03 chuyên đề tiến sĩ và các học phần tiến sĩ (bắt buộc và tự chọn). Tổng số tín chỉ tối thiểu toàn khóa học: 90 tín chỉ đối với NCS tốt nghiệp thạc sĩ ngành đúng, 112 tín chỉ đối với NCS tốt nghiệp thạc sĩ ngành gần, 120 tín chỉ đối với NCS tốt nghiệp đại học.

- Có công bố tối thiểu 02 bài báo về các nội dung nghiên cứu của luận án, trong đó tối thiểu 01 bài đăng tại tạp chí quốc tế có phản biện hoặc kỷ yếu hội nghị quốc tế có phản biện trước khi bảo vệ cấp cơ sở, 01 bài báo đăng tại Tạp chí Khoa học, Đại học Huế. Bài báo đã được công bố hoặc đã được chấp nhận công bố được coi là hợp lệ.

- Được tập thể hoặc người hướng dẫn đồng ý cho NCS bảo vệ luận án.

- Nghiên cứu sinh phải bảo vệ luận án của mình trước hội đồng cấp cơ sở (Trường Đại học Ngoại ngữ).

Nghiên cứu sinh đủ điều kiện tốt nghiệp sau khi bảo vệ luận án thành công và đáp ứng đầy đủ các quy định khác trong quy chế đào tạo tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Trong thời gian học tập không bị kỷ luật đình chỉ học tập.

### *2.1.3. Danh mục các ngành đúng, ngành gần với ngành đăng ký đào tạo*

a/ Đối với các nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ:

- Chuyên ngành đúng (phù hợp): Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu,

- Chuyên ngành gần: Ngôn ngữ học, Ngôn ngữ Việt Nam, Việt Nam học, Hán Nôm, Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số, Ngôn ngữ học ứng dụng, Ngôn ngữ Anh, (Pháp, Nga, Trung Quốc, Nhật, Đức, Hàn Quốc...), Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh (Pháp, Nga, Trung...).

b/ Đối với các nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ:

- Ngành gần: Ngôn ngữ học, Việt Nam học, Hán Nôm, Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số, Ngôn ngữ Anh, (Pháp, Nga, Trung Quốc, Nhật, Đức, Hàn Quốc...) Sư phạm ngữ văn, Sư phạm Tiếng Anh (Pháp, Nga, Trung...)

**Bảng 3.3. Danh mục các ngành/chuyên ngành đúng, ngành gần với ngành NNHSSĐC**

TT	Ngành/ Chuyên ngành	Mã số
<b>I. Ngành/chuyên ngành cao học đúng và gần</b>		
1	Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu	6022024
<b>II. Ngành/chuyên ngành cao học gần</b>		
1	Ngôn ngữ Việt Nam	8220102
2	Ngôn ngữ học	8229020
3	Việt Nam học	8310630
4	Hán Nôm	8220104
5	Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số	8220109
6	Ngôn ngữ học ứng dụng	
7	Ngôn ngữ Anh, (Pháp, Nga, Trung Quốc, Nhật, Đức, Hàn Quốc...)	8220201...8220210
8	LL&PPDH bộ môn tiếng Anh (Pháp, Nga, Trung...)	8140111
<b>III. Các ngành/chuyên ngành đại học gần</b>		
1	Ngôn ngữ học	7229020
2	Việt Nam học	7310630
3	Hán Nôm	7220104
4	Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số	7220105...7220108
5	Ngôn ngữ Anh, (Pháp, Nga, Trung Quốc, Nhật, Đức, Hàn	7220201...7220211

	Quốc...)	
6	Su phạm Ngữ văn	7140217
7	Su phạm tiếng Anh (Pháp, Nga, Trung...)	7140231...7140237

#### 2.1.4. Danh mục các môn học bổ sung kiến thức

a/ Đối với các ứng viên chưa có bằng thạc sỹ

**Bảng 3.4. Danh mục các môn học bổ sung kiến thức cho ứng viên chưa có bằng Thạc sỹ**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC
<b>A</b>	<b>PHẦN KIẾN THỨC CHUNG</b>		<b>07</b>
01	NNPA501	Triết học	04
02	NNPA502	Ngoại ngữ (Anh - Nga - Pháp - Trung - Nhật- Hàn)	03
<b>B</b>	<b>PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ</b>		<b>10</b>
	<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>06</b>
03	NNCL503	Phương pháp luận nghiên cứu ngôn ngữ học	02
04	NNCL505	Các khuynh hướng trong ngôn ngữ học hiện đại	02
05	NNCL506	Phân tích điển ngôn	02
	<b>Học phần tự chọn (chọn 04 trong 14 tín chỉ dưới đây)</b>		<b>04/14</b>
06	NNCL504	Ngôn ngữ học đại cương	02
07	NNCL507	Giao tiếp liên văn hóa	02
08	NNCL508	Ngôn ngữ học chức năng	02
09	NNCL509	Ngôn ngữ học ứng dụng	02
10	NNCL510	Ngôn ngữ học tri nhận	02
11	NNLC511	Ngôn ngữ xã hội học	02
12	NNLC512	Ngôn ngữ tâm lý học	02
<b>C</b>	<b>PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>		<b>13</b>
	<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>09</b>

13	NNCL513	Ngôn ngữ học đối chiếu	02
14	NNCL514	Đối chiếu ngữ âm - âm vị học (tiếng Nga - tiếng Pháp - tiếng Anh-tiếng Trung-tiếng Nhật-tiếng Hàn)	02
15	NNCL515	Đối chiếu từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Nga - tiếng Pháp - tiếng Anh-tiếng Trung-tiếng Nhật-tiếng Hàn)	02
16	NNCL517	Đối chiếu Ngữ pháp (tiếng Nga - tiếng Pháp - tiếng Anh - tiếng Trung - tiếng Nhật - tiếng Hàn)	03
<b>Học phần tự chọn (chọn 04 trong 24 tín chỉ dưới đây:</b>			<b>04/24</b>
17	NNCL516	Đối chiếu cấu tạo từ (tiếng Nga - tiếng Pháp-tiếng Anh - tiếng Trung - tiếng Nhật - tiếng Hàn)	02
18	NNCL520	Đối chiếu ngữ dụng học (tiếng Anh (Pháp, Nga, Trung, Nhật, Hàn)	02
19	NNCL518	Đối chiếu phong cách chức năng (tiếng Nga - tiếng Pháp - tiếng Anh-tiếng Trung-tiếng Nhật-tiếng Hàn)	02
20	NNCL521	Ngữ âm và Âm vị học	02
21	NNCL522	Ngữ nghĩa học	02
22	NNCL523	Ngữ pháp học	02
23	NNCL524	Phong cách học	02
24	NNCL525	Ngữ dụng học	02
25	NNCL526	Nghiên cứu về ngôn ngữ và nghiên cứu về dịch thuật	02
26	NNCL527	Lý thuyết giao tiếp ngôn ngữ	02
27	NNCL528	Ngữ âm tiếng Việt	02
28	NNCL529	Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt	02
29	NNCL530	Ngữ pháp tiếng Việt	02
30	<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ (A+B+C)</b>		<b>30</b>

b/ Đối với các ứng viên đã có bằng thạc sỹ chuyên ngành gần

**Bảng 3.5. Danh mục các môn học bổ sung kiến thức cho ứng viên có bằng Thạc sỹ chuyên ngành gần**

	<b>Kiến thức chuyên ngành bắt buộc</b>	<b>14</b>
--	--	-----------

01	NNCL503	Phương pháp luận nghiên cứu ngôn ngữ học	02
02	NNCL504	Ngôn ngữ học đại cương	02
03	NNCL506	Phân tích diễn ngôn	02
04	NNCL513	Ngôn ngữ học đối chiếu	02
05	NNCL514	Đối chiếu ngữ âm - âm vị học (tiếng Nga - tiếng Pháp - tiếng Anh-tiếng Trung-tiếng Nhật-tiếng Hàn)	02
06	NNCL515	Đối chiếu từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Nga - tiếng Pháp - tiếng Anh-tiếng Trung-tiếng Nhật-tiếng Hàn)	02
07	NNCL516	Đối chiếu cấu tạo từ (tiếng Nga - tiếng Pháp-tiếng Anh - tiếng Trung - tiếng Nhật - tiếng Hàn)	02
	<b>Kiến thức chuyên ngành tự chọn (chọn 8 trong 30 tín chỉ dưới đây)</b>		<b>08/30</b>
08	NNCL508	Ngôn ngữ học chức năng	02
09	NNCL509	Ngôn ngữ học ứng dụng	02
10	NNCL510	Ngôn ngữ học tri nhận	02
11	NNLC511	Ngôn ngữ xã hội học	02
12	NNLC512	Ngôn ngữ tâm lý học	02
13	NNCL521	Ngữ âm và Âm vị học	02
14	NNCL522	Ngữ nghĩa học	02
15	NNCL523	Ngữ pháp học	02
16	NNCL524	Phong cách học	02
17	NNCL525	Ngữ dụng học	02
18	NNCL526	Nghiên cứu về ngôn ngữ và nghiên cứu về dịch thuật	02
19	NNCL527	Lý thuyết giao tiếp ngôn ngữ	02
20	NNCL528	Ngữ âm tiếng Việt	02
21	NNCL529	Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt	02
22	NNCL530	Ngữ pháp tiếng Việt	02
	<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ (A+B+C)</b>		<b>22</b>